

Số: 483/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục tiểu học);
mã ngành 8140110
(Chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 29/3/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Quy Nhơn về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1816/QĐ-ĐHQN ngày 10/7/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định chức năng và nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 4205/QĐ-ĐHQN ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1879/QĐ-ĐHQN ngày 25/7/2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Danh mục thống kê đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Biên bản số 13/BB-HĐKHĐT ngày 13/02/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Quy Nhơn về việc thẩm định và thông qua các chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung) trình độ thạc sĩ đợt 2 (tháng 02/2025);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo (sửa đổi, bổ sung) trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục tiểu học); mã ngành

8140110; chương trình đào tạo định hướng ứng dụng. Kèm theo Chương trình đào tạo này là Bản mô tả chương trình đào tạo, Chương trình dạy học, Đề cương chi tiết các học phần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh thạc sĩ từ năm 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Đào tạo sau đại học, Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Phòng Hành chính-Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non và Trưởng các đơn vị liên quan, giảng viên tham gia đào tạo và học viên ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục tiểu học) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường và đơn vị;
- Lưu: VT, ĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Primary Education
Mã ngành: 8140110
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

Bình Định, 2025

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHQN ngày 14 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Primary Education
Mã ngành ngành: 8140110
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) đào tạo giáo viên tiểu học trình độ thạc sĩ có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp tiên tiến, chuyên sâu; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) giúp học viên có trình độ cao về kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, quản lý và tư vấn các cơ sở giáo dục tiểu học. Cụ thể:

- Về kiến thức

- + PO1: Có kiến thức cơ sở cốt lõi về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, vận dụng vào thực tiễn giáo dục tiểu học.
- + PO2: Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng giáo dục tiểu học.

- Về kỹ năng

- + PO3: Có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.
- + PO4: Có kỹ năng đánh giá, xây dựng và phát triển các vấn đề liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.
- + PO5: Có kỹ năng phản biện, giải quyết, ứng dụng lý luận và phương pháp dạy học tiểu học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp giáo viên GDTH.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

- + PO6: Có đủ sức khỏe để làm việc; hiểu và thực hiện các quy định về phẩm chất và năng lực nhà giáo; phát hiện và giải quyết được những vấn đề thực tiễn về dạy học tiểu học;
- + PO7: Có năng lực lý thuyết, thực hành, ứng dụng trong công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học
- + PO8: Có năng lực để tiếp tục tham gia vào chương trình đào tạo tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học – công nghệ của địa phương và cả nước.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

2.1. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo ngành Lý Luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) có thể đảm nhận các vị trí:

- Giáo viên ở các trường tiểu học.
- Vị trí quản lý ở các trường tiểu học.
- Chuyên viên, quản lý ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến giáo dục bậc tiểu học.
- Cơ quan, tổ chức nghiên cứu về khoa học giáo dục tiểu học về phát triển năng lực.

2.2. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Tích lũy và vận dụng được kiến thức đã học để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.
- Tiếp cận được khoa học công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội, cũng như tự nâng cao trình độ để tiếp nhận những vị trí quản lý chuyên môn ở cơ quan công tác.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

1) PLO1: Diễn giải hệ thống kiến thức trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học).

2) PLO2: Vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, lý luận dạy học, liên ngành có liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

3) PLO3: Đánh giá và phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực, đánh giá năng lực người học.

3.2. Về kỹ năng

4) PLO4: Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề có liên quan đến ngành lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) để đưa ra những giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học.

5) PLO5: Nghiên cứu và thảo luận các vấn đề để truyền đạt tri thức cho những người cùng ngành và những người khác.

6) PLO6: Tổ chức, quản trị, quản lý và phát triển các hoạt động nghề nghiệp.

7) PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ trong chuyên môn và công việc ở trình độ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; đề xuất được những sáng kiến có giá trị trong hoạt động chuyên môn.

9) PLO9: Tự định hướng cá nhân và dẫn dắt chuyên môn xử lý những vấn đề lớn; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về những vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

10) PLO10: Xây dựng, thẩm định kế hoạch; Phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học);

- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Danh mục ngành đại học phù hợp:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
1	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Giáo dục Tiểu học	

Danh mục ngành đại học cần bổ sung kiến thức và các học phần bổ sung kiến thức:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)	Giáo dục mầm non	Ứng viên học BSKT từ 4 đến 7 học phần trong số các học phần sau (Mỗi học phần có 02 tín chỉ):	Tuỳ trường hợp cụ thể Khoa quản lý ngành đề xuất học phần BSKT.
2		Sư phạm Toán học		
3		Sư phạm Tin học		
4		Sư phạm Vật lý		
5		Sư phạm Hoá học	1. Giáo dục học tiểu học; 2. Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học; 3. Phương pháp dạy học Toán tiểu học; 4. Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội; 5. Cơ sở ngôn ngữ học; 6. Văn học thiếu nhi; 7. Lý thuyết văn học. 8. Toán học cơ sở	
6		Sư phạm Sinh học		
7		Sư phạm Ngữ văn		
8		Sư phạm Lịch sử		
9		Sư phạm Địa lý		
10		Sư phạm Tiếng Anh		
11		Sư phạm Khoa học tự nhiên		
12		Sư phạm Lịch sử - Địa lý		

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOÁ

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng)

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 60 tín chỉ, trong đó có 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	04
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47
Các học phần bắt buộc	26
Các học phần tự chọn	15
Thực tập	06
Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	09
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án thạc sĩ đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

7.3. Tên văn bằng được cấp

Tiếng Việt: BẰNG THẠC SĨ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC (GIÁO DỤC TIỂU HỌC)

Tiếng Anh: THE DEGREE OF MASTER IN THEORY AND METHODOLOGY OF PRIMARY EDUCATION

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết

+ Đánh giá quá trình: 40%

+ Đánh giá cuối kỳ: 60%

- Học phần thực tập

+ Đánh giá quá trình: 40%

+ Chấm báo cáo thực tập: 60%

- Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể chi tiết trong đề cương chi tiết của học phần.

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng học tập			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
				Tổng	LT	BT, TH, TN, TL			
I. Phần kiến thức chung				4					
Phần bắt buộc (1 học phần)									
I.1. Triết học									
1	XHTH 501	Triết học		4	3	1		Khoa LLCT-Luật-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành				47					
II.1. Phần bắt buộc (9 học phần)				26					
1	GDTH 81401	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
2	GDTH 81402	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
3	GDTH 81403	Huyền thoại và dạy học huyền thoại		3	2	1		Khoa GDTH-MN	

4	GDTH 81404	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
5	GDTH 81405	Lý luận dạy học hiện đại		3	2	1		Khoa KHXXH-NV	
6	GDTH 81406	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
7	GDTH 81407	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học		2	2			Khoa GDTH-MN	
8	GDTH 81408	Các phương pháp giải toán tiểu học		4	2	2		Khoa GDTH-MN	
9	GDTH 81409	Văn học thiếu nhi nước ngoài		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
II.2. Phần tự chọn (chọn 7/15 học phần)				15					
1	GDTH 81410	Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
2	GDTH 81411	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
3	GDTH 81412	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
4	GDTH 81413	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
5	GDTH 81414	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	

6	GDTH 81415	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
7	GDTH 81416	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
8	GDTH 81417	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học		2	1.2	0.8		Khoa GDTH-MN	
9	GDTH 81418	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học		2	1	1		Khoa GDTH-MN	
10	GDTH 814219	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
11	GDTH 814220	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
12	GDTH 81421	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
13	GDTH 81422	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
14	GDTH 81423	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN- XH		2	1.6	0.4		Khoa GDTH-MN	
15	GDTH 81427	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
II.3. Thực tập (02 học phần)				06					
1	GDTH 81424	Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH-MN	

2	GDTH 81425	Thực tập 2: Nghiên cứu khoa học giáo dục		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)				9					
	GDTH 81426	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)		9					
Tổng cộng				60					

Bảng ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Triết học		M	M	M	M				M	M
2	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	M	H		H	H			H	H	M
3	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục	M	M		M	M	M	M			
4	Huyền thoại và dạy học huyền thoại	M	H	H	H	H			H	H	
5	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH	M	M	M	H	H	H		H	H	H
6	Lý luận dạy học hiện đại		M		M	M				M	M
7	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực		H	H	H	H			H	H	M
8	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học	M	M	M	M	M	M		H	H	H
9	Các phương pháp giải toán tiểu học	M	M		H	H	H	M	H	H	
10	Văn học thiếu nhi nước ngoài	H	H		M	M	H	M	H	H	H
11	Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học	L	M		M	M			H	H	
12	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	H	H		H	H	M	M	H	M	M
13	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học		M	H	H	H			H	H	H
14	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học	M	M	M	M	M	M		H	H	H
15	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học	H	H	H	H	H			H	H	
16	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ	L	M		M	M			H	H	
17	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá	H	H		M	H	H		H	H	

18	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học	H	H	H	H	H	H		H	H	
19	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học	H			H	H	H		H	H	
20	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học	H	H		H	H	H		H	H	
21	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ	H			H	H	H		H	H	
22	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên	H	M		M	M	H		H	H	
23	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học	M	M	M	H	H	H		H	H	
24	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH	M	M	M	H	H	H				
25	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học	M	M	M	H	H	H		H	H	
26	Thực tập 1	M	M	M	H	H	H		H	H	H
27	Thực tập 2	H	M	L	M	M	H		M	H	H
28	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	M	H	M	H	M		M	H	M	M

(Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao)

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (Học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung (bắt buộc)				4	4					
1	XHTH	501	Triết học	4	4				PGS.TS. Đoàn Thế Hùng; TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy	Khoa LLCT-Luật-QLNN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				47	12	18	17			
II.1. Bắt buộc (9 học phần)				26	12	14				
1	GDTH	81401	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	3	3				TS. Trần Thị Giang; PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa GDTH-MN

2	GDTH	81402	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục	3	3				TS. Lê Thanh Bình; TS. Trần Ngọc Nguyên; PGS.TS. Phan Thanh Nam	Khoa GDTH-MN
3	GDTH	81403	Huyền thoại và dạy học huyền thoại	3	3				TS. Châu Minh Hùng TS. Lê Nhật Ký	Khoa GDTH-MN
4	GDTH	81404	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH	3	3				TS. Nguyễn Thị Tường Loan TS. Bùi Thị Ngọc Linh TS. Trần Thanh Sơn; TS. Hồ Văn Toàn	Khoa GDTH-MN
5	GDTH	81405	Lý luận dạy học hiện đại	3		3			TS. Nguyễn Lê Hà TS. Dương Bạch Dương (thỉnh giảng)	Khoa KHXH-NV
6	GDTH	81406	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực	3		3			TS. Trần Thị Giang PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa GDTH-MN
7	GDTH	81407	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học	2		2			PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh. TS. Đặng Thị Thanh Hoa	Khoa GDTH-MN
8	GDTH	81408	Các phương pháp giải toán tiểu học	4		4			PGS.TS. Phan Thanh Nam TS. Lê Thanh Hiếu TS. Lê Thanh Bình TS. Đào Ngọc Hân	Khoa GDTH-MN
9	GDTH	81409	Văn học thiếu nhi nước ngoài	2		2			TS. Lê Nhật Ký TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
II.2. Tự chọn (chọn 7/ 15 học phần)				15		4	11			
1	GDTH	81410	Ngữ âm tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học	2					PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh, TS. Nguyễn Quý Thành	Khoa GDTH-MN

2	GDTH	81411	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	3					TS. Đào Ngọc Hân TS. Hồ Thị Minh Phương PGS. TS. Phan Thanh Nam TS. Lê Thanh Bính	Khoa GDTH-MN
3	GDTH	81412	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học	2					TS. Trần Thị Giang TS Châu Minh Hùng TS. Lê Nhật Ký TS. Nguyễn Thị Tường Loan	Khoa GDTH-MN
4	GDTH	81413	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học	2					PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh TS. Đặng Thị Thanh Hoa	Khoa GDTH-MN
5	GDTH	81414	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học	2					TS. Đặng Thị Thanh Hoa PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh TS. Trần Thị Giang	Khoa GDTH-MN
6	GDTH	81415	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ	2					PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh TS. Trần Thị Giang TS. Nguyễn Quý Thành	Khoa GDTH-MN
7	GDTH	81416	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá	2					TS. Võ Minh Hải TS. Trần Thị Tú Nhi	Khoa GDTH-MN
8	GDTH	81417	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học	2					TS. Phan Nguyễn Trà Giang TS. Châu Minh Hùng TS. Lê Nhật Ký	Khoa GDTH-MN
9	GDTH	81418	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học	2					TS. Lê Nhật Ký TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
10	GDTH	81419	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học	2					TS. Lê Nhật Ký, TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN

11	GDTH	81420	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ	2					TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
12	GDTH	81421	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên	2					TS. Lê Nhật Ký, TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
13	GDTH	81422	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học	2					TS. Nguyễn Thị Tường Loan TS. Nguyễn Thị Mộng Điệp PGS TS Võ Văn Toàn (thỉnh giảng)	Khoa GDTH-MN
14	GDTH	81423	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH	2					TS. Nguyễn Thị Tường Loan TS. Nguyễn Thanh Sơn TS. Bùi Thị Ngọc Linh	Khoa GDTH-MN
15	GDTH	81427	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học	2					TS. Khuru Thuận Vũ, TS. Nguyễn Thị Tường Loan TS. Hồ Văn Toàn	Khoa GDTH-MN
II.3. Thực tập (02 học phần)				06			06			
25	GDTH	81424	Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học	3			3		TS. Nguyễn Thị Tường Loan TS. Nguyễn Thanh Sơn	Khoa GDTH-MN
26	GDTH	81425	Thực tập 2: Nghiên cứu khoa học GD	3			3		TS. Lê Nhật Ký TS. Châu Minh Hùng TS. Trần Thị Giang TS. Nguyễn Thị Tường Loan TS. Nguyễn Quý Thành (thỉnh giảng) PGS.TS. Phan Thanh Nam TS. Đào Ngọc Hân TS. Lê Thanh Bình TS. Hồ Văn Toàn	Khoa GDTH-MN

III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	9				9		
Tổng cộng	60	16	18	17	9		

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khoá tuyển sinh thạc sĩ năm 2025 cho học viên cao học ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học).

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý ngành và Khoa quản lý học phần tư vấn cho học viên lựa chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa quản lý ngành chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát, đánh giá, cập nhật theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Quy Nhơn nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục tiểu học) trình độ thạc sĩ và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Primary Education
Mã ngành: 8140110
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

Bình Định, 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHQN ngày 14 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục tiểu học)
Tên tiếng Anh:	Theory and Methodology of Primary Education
Mã ngành:	8140110
Định hướng đào tạo:	Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo:	Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành học Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) thuộc quản lý của Khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non – Trường Đại học Quy Nhơn, có khối lượng kiến thức toàn khóa 60 với thời gian đào tạo là 2 năm, bao gồm khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở, chuyên ngành và Đề án tốt nghiệp nhằm trang bị cho người học những kiến thức về giảng dạy giáo dục tiểu học cùng những kỹ năng và kinh nghiệm thực tế trong việc giảng dạy và tổ chức các hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học.

Với đội ngũ giảng viên cơ hữu hầu hết là tiến sĩ, giảng viên chính, thạc sĩ được đào tạo từ các trường đại học nổi tiếng trong và ngoài nước, với điều kiện cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, nghiên cứu hiện đại và đồng bộ, Khoa GDTH & MN hướng tới mục tiêu trở thành cơ sở đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, giảng dạy chuyên sâu chất lượng cao; đóng góp vào sự phát triển của lĩnh vực giáo dục tiểu học khu vực miền Trung – Tây Nguyên, trên cả nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Bảng 1: Bảng mô tả chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học

1. Tên chương trình	Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học
2. Mã ngành đào tạo	8140110
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)
5. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
6. Số tín chỉ yêu cầu	60

7. Khoa quản lý ngành	Khoa Giáo dục Tiểu học & Mầm non
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	2 năm (24 tháng)
10. Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn và của Bộ Giáo dục và Đào tạo
13. Vị trí việc làm	- Dạy học trong hệ thống các trường tiểu học công lập và tư thục trên cả nước; - Dạy học sinh tiểu học ở các trường quốc tế;; - Làm việc tại các cơ quan quản lý giáo dục; - Làm việc tại các tổ chức, trung tâm trong và ngoài nước về liên quan giáo dục bậc tiểu học.
14. Học tập nâng cao trình độ	- Có thể tiếp tục theo học các khóa đào tạo Tiến sĩ tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước.
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	CTĐT ThS Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học sư phạm Huế - ĐH Huế
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 01/2025

1.3. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

1.3.1. Phát biểu và ý nghĩa của Triết lý giáo dục:

Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố trong Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, với nội dung

“Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”

và với ý nghĩa như sau:

Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa **tiềm năng** của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

1.3.2. Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học

Bảng 2: Thể hiện triết lý giáo dục trong chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức chung	Các học phần Ngoại ngữ, Tin học	X	X	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết	X	X	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	X		X
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết	X	X	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành	X	X	X
		Các học phần thực tập, thực tế	X	X	X
	Đề án tốt nghiệp		X	X	X
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	PLO1	Diễn giải hệ thống kiến thức trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.	X		
	PLO2	Vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, lý luận dạy học, liên ngành có liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.	X	X	
	PLO3	Đánh giá và phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực, đánh giá năng lực người học	X	X	X
	PLO4	Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề có liên quan đến chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học tiểu học để đưa ra những giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học.	X		X
	PLO5	Nghiên cứu và thảo luận các vấn đề để truyền đạt tri thức cho những người cùng ngành và những người khác.	X	X	X
	PLO6	Tổ chức, quản trị, quản lý và phát triển các hoạt động nghề nghiệp.	X	X	X
	PLO7	Sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ			X

		Việt Nam.			
	PLO8	Phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; đề xuất được những sáng kiến có giá trị trong hoạt động chuyên môn.	X	X	X
	PLO9	Tự định hướng cá nhân và dẫn dắt chuyên môn xử lý những vấn đề lớn; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về những vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.	X	X	X
	PLO10	Xây dựng, thẩm định kế hoạch; Phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.	X	X	X

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) đào tạo giáo viên tiểu học trình độ thạc sĩ có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp tiên tiến, chuyên sâu; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

1.4.2 Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) giúp học viên có trình độ cao về kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, quản lý và tư vấn các cơ sở giáo dục tiểu học. Cụ thể:

- Về kiến thức

- + PO1: Có kiến thức cơ sở cốt lõi về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, vận dụng vào thực tiễn giáo dục tiểu học.
- + PO2: Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng giáo dục tiểu học.

- Về kỹ năng

- + PO3: Có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

+ PO4: Có kỹ năng đánh giá, xây dựng và phát triển các vấn đề liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

+ PO5: Có kỹ năng phản biện, giải quyết, ứng dụng lý luận và phương pháp dạy học tiểu học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp giáo viên GDTH.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm*

+ PO6: Có đủ sức khỏe để làm việc; hiểu và thực hiện các quy định về phẩm chất và năng lực nhà giáo; phát hiện và giải quyết được những vấn đề thực tiễn về dạy học tiểu học;

+ PO7: Có năng lực lý thuyết, thực hành, ứng dụng trong công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học

+ PO8: Có năng lực để tiếp tục tham gia vào chương trình đào tạo tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học – công nghệ của địa phương và cả nước.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1 Về kiến thức

1) PLO1: Diễn giải hệ thống kiến thức trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

2) PLO2: Vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, lý luận dạy học, liên ngành có liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

3) PLO3: Đánh giá và phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực, đánh giá năng lực người học.

1.5.2. Về kỹ năng

4) PLO4: Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề có liên quan đến chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học tiểu học để đưa ra những giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học.

5) PLO5: Nghiên cứu và thảo luận các vấn đề để truyền đạt tri thức cho những người cùng ngành và những người khác.

6) PLO6: Tổ chức, quản trị, quản lý và phát triển các hoạt động nghề nghiệp.

7) PLO7: Sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; đề xuất được những sáng kiến có giá trị trong hoạt động chuyên môn.

9) PLO9: Tự định hướng cá nhân và dẫn dắt chuyên môn xử lý những vấn đề lớn; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về những vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

10) PLO10: Xây dựng, thẩm định kế hoạch; Phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

Ma trận Mục tiêu (POs) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	Kiến thức			Kỹ năng				TC & chịu TN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x	x								
PO2		x	x							
PO3	x	x	x							
PO4				x						
PO5					x	x				
PO6								x		
PO7							x		x	
PO8										x

1.6. Phương pháp giảng dạy – học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy – học tập

- Chuẩn bị của giảng viên (GV)

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Tiểu học cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học lý thuyết hay thực hành, môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế luận văn tốt nghiệp);
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ SV của mình (SV năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);
- Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;
- GV cần chuẩn bị kỹ giáo trình, bài giảng, sách bài tập, đề cương chi tiết môn học, các slide trình chiếu, giáo cụ trực quan, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thích nghi với người học, lấy người học là trung tâm;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu là: thuyết trình, vấn đáp, bài tập, thảo luận, thực tế, thực hành, E-learning.

• Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

I. Dạy trực tiếp										
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2. Tham luận	x	x	x	x	x	x		x	x	x
II. Dạy gián tiếp										
3. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x		x	x	x
4. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x		x	x	x
5. Học theo tình huống					x					
III. Học trải nghiệm										
6. Thực tập, thực tế										
IV. Dạy học tương tác										
7. Thảo luận	x	x								
8. Học nhóm	x	x								
V. Tự học										
9. Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x		x	x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.
- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ học viên trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, làm luận văn tốt nghiệp, tham quan thực tế.
- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV.
- Hàng năm nhà trường có tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho GV về kỹ năng giảng dạy, phương pháp giảng dạy để nâng cao năng lực GV và chất lượng giảng dạy.
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của học viên về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ

Hình thức, tiêu chí và trọng số đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra giữa kỳ	- Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể).	40%
2	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/Vấn đáp/Tiểu luận...; - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên	60%

		ra đề.	
--	--	--------	--

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Đánh giá tiến trình										
1. Đánh giá bài tập, thảo luận	x	x	x	x	x			x	x	x
2. Đánh giá bài kiểm tra, bài thực hành	x	x	x	x	x			x	x	x
II. Đánh giá tổng kết										
3. Thi viết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thi vấn đáp	x	x	x	x	x		x	x	x	x
5. Tiểu luận					x			x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Cấu trúc tín chỉ khung chương trình đào tạo

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	04
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47
Các học phần bắt buộc	26
Các học phần tự chọn	15
Thực tập	06
Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	09
Tổng	60

- Khối kiến thức chung gồm 01 học phần:

Khối kiến thức chung giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, để người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và vận dụng những kiến thức đó để tiếp thu, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên ngành.

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành gồm: 09 học phần bắt buộc, 07/15 học phần tự chọn và 02 học phần thực tập

Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành giúp người học có được kiến thức toàn diện về các lĩnh vực khác nhau của ngành giáo dục tiểu học; từ cơ bản đến chuyên sâu, và có năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, giúp người học có thể ứng dụng phục vụ công việc giảng dạy, có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

- Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ) có khối lượng 09 tín chỉ

Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ) giúp học viên nghiên cứu từ cơ bản đến chuyên sâu về chương trình giáo dục tiểu học, đồng thời làm cơ sở cho việc học tập nâng cao trình độ tiến sĩ và nghiên cứu khoa học trong công tác giảng dạy. Luận văn tốt nghiệp sẽ giúp người học hiểu sâu và vận dụng một cách toàn diện, linh hoạt các kiến thức chuyên ngành vào trong công tác chuyên môn.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Khối kiến thức chung	4	6,7 %		M	M	M	M				M	M
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47											
2.1	Các học phần bắt buộc	26	43,3 %	H	H	H	H	H	M		H	H	H
2.2	Các học phần tự chọn	15	25%	M	M	M	M	M	M		M	M	M
2.3	Thực tập	6	10%	M	M	M	M	M	M		M	M	M
3	Đề án thạc sĩ	9	15%	M	M	M	M	M	M		H	H	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

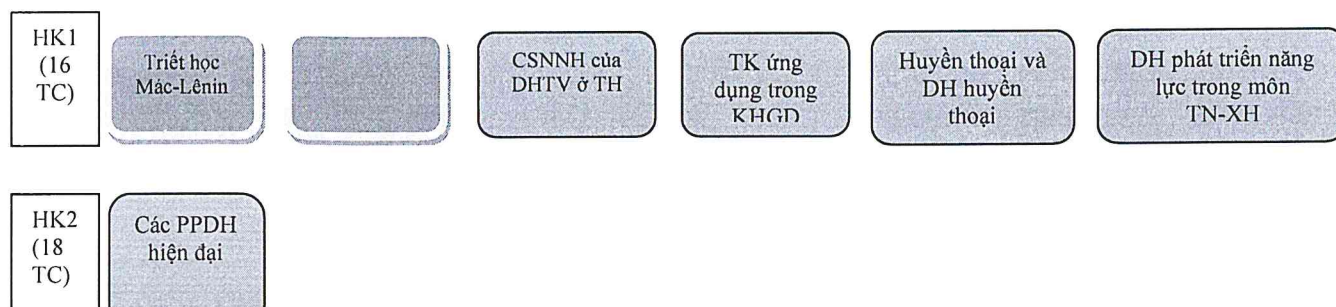
TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng học tập			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
				Tổng g	LT	BT, TH, TN,			

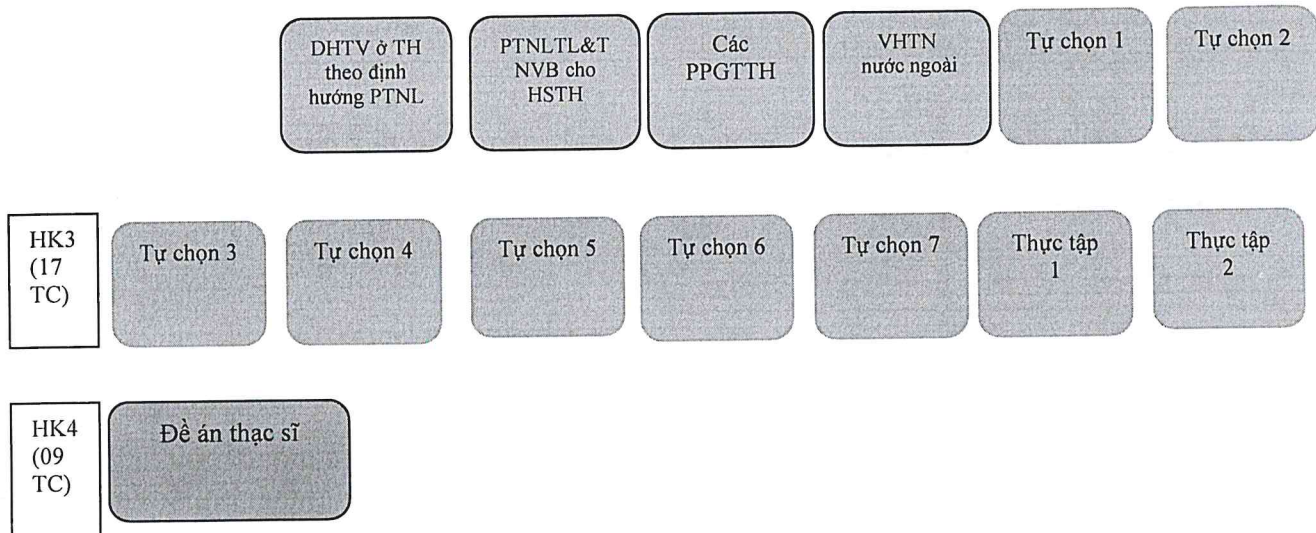
						TL			
I. Phần kiến thức chung				4					
Phần bắt buộc (1 học phần)									
I.1. Triết học									
1	XHTH 501	Triết học		4	3	1		Khoa LLCT-Luật- QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành				47					
II.1. Phần bắt buộc (9 học phần)				26					
1	GDTH 81401	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
2	GDTH 81402	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
3	GDTH 81403	Huyền thoại và dạy học huyền thoại		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
4	GDTH 81404	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
5	GDTH 81405	Lý luận dạy học hiện đại		3	2	1		Khoa KHXH-NV	
6	GDTH 81406	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
7	GDTH 81407	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
8	GDTH 81408	Các phương pháp giải toán tiểu học		4	2	2		Khoa GDTH- MN	

9	GDTH 81409	Văn học thiếu nhi nước ngoài		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
II.2. Phần tự chọn (chọn 7/15 học phần)				15					
1	GDTH 81410	Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
2	GDTH 81411	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
3	GDTH 81412	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
4	GDTH 81413	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học		2	1,5	0.5		Khoa GDTH- MN	
5	GDTH 81414	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
6	GDTH 81415	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
7	GDTH 81416	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
8	GDTH 81417	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
9	GDTH 81418	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học		2	1	1		Khoa GDTH- MN	
10	GDTH 814219	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	

11	GDTH 814220	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
12	GDTH 81421	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
13	GDTH 81422	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học		2	1	1		Khoa GDTH- MN	
14	GDTH 81423	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN- XH		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
15	GDTH 81427	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
II.3. Thực tập (02 học phần)				06					
1	GDTH 81424	Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
2	GDTH 81425	Thực tập 2: Nghiên cứu khoa học giáo dục		3	2	1		Khoa GDTH-MN	
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)				9					
	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)			9					
Tổng cộng				60					

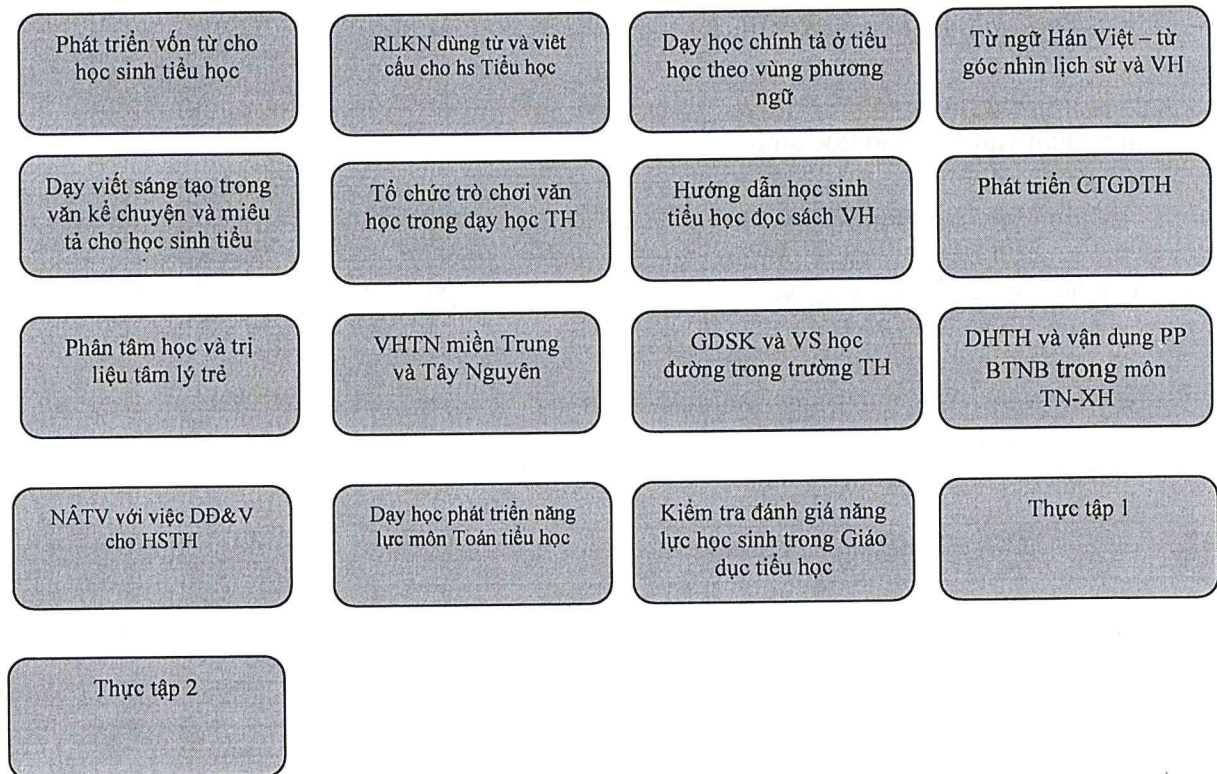
2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy





Danh sách 15 học phần tự chọn và 02 thực tập:

(7/15 HP) và 02
thực tập



Bảng 10: Chú thích

	Khối kiến thức chung		Kiến thức bổ sung
	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành (bắt buộc)		Học phần tốt nghiệp (Đề án thực sĩ)
	Kiến thức cơ sở và chuyên		

	ngành (tự chọn) và thực tập		
--	-----------------------------	--	--

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Bảng 11: Ma trận chuẩn đầu ra với từng học phần

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Triết học		M	M	M	M				M	M
2	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	M	H		H	H			H	H	M
3	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục	M	M		M	M	M	M			
4	Huyền thoại và dạy học huyền thoại	M	H	H	H	H			H	H	
5	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH	M	M	M	H	H	H		H	H	H
6	Lý luận dạy học hiện đại		M		M	M				M	M
7	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực		H	H	H	H			H	H	M
8	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học	M	M	M	M	M	M		H	H	H
9	Các phương pháp giải toán tiểu học	M	M		H	H	H	M	H	H	
10	Văn học thiếu nhi nước ngoài	H	H		M	M	H	M	H	H	H
11	Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học	L	M		M	M			H	H	
12	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	H	H		H	H	M	M	H	M	M
13	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học		M	H	H	H			H	H	H
14	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học	M	M	M	M	M	M		H	H	H
15	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học	H	H	H	H	H			H	H	
16	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ	L	M		M	M			H	H	
17	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá	H	H		M	H	H		H	H	
18	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học	H	H	H	H	H	H		H	H	
19	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học	H			H	H	H		H	H	
20	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học	H	H		H	H	H		H	H	
21	Phân tâm học và trị liệu tâm lý	H			H	H	H		H	H	

	trẻ										
22	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên	H	M		M	M	H		H	H	
23	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học	M	M	M	H	H	H		H	H	
24	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH	M	M	M	H	H	H				
25	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học	M	M	M	H	H	H		H	H	
26	Thực tập 1	M	M	M	H	H	H		H	H	H
27	Thực tập 2	H	M	L	M	M	H		M	H	H
28	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	M	H	M	H	M		M	H	M	M

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. XHTH 501, Triết học, 4 TC

Ở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, học viên sẽ nghiên cứu môn Triết học là môn học đầu tiên trong chương trình đào tạo, các nội dung được đề cập bao gồm lý thuyết và vận dụng thực tế như: Các vấn đề lý luận chung về triết học; bản thể luận; nhận thức luận trên cơ sở lấy triết học Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng. Qua học phần này học viên cũng xác định rõ các vấn đề về hình thái kinh tế - xã hội; về triết học chính trị; ý thức xã hội; triết học về con người.... từ đó ứng dụng để định hướng cho người học xây dựng phương pháp, điều chỉnh hành vi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn của bản thân. Môn học này tạo nên nền tảng, cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và lập trường tư tưởng chính trị... để học tập những môn học sau cũng như hướng đến phục vụ cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

2.6.2 GDTH 81401, Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, 3TC

Học phần hệ thống hóa, cập nhật những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và Việt ngữ học: âm vị và chữ viết, từ vựng - ngữ nghĩa, các bình diện cấu trúc – ngữ nghĩa – ngữ dụng của câu theo ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp chức năng, ngữ dụng học, ngữ pháp văn bản,... liên quan đến nội dung chương trình Tiếng Việt tiểu học; phát triển ở người học năng lực xử lý có phản biện nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực.

2.6.3 GDTH 81402, Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục, 3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về xác suất và thống kê theo hướng ứng dụng: biến cố ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết,... Sau khi kết thúc học phần, người học có kiến thức căn bản nhất về xác suất và thống kê toán, để từ đó có thể vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề thực tế trong xã hội cũng như ứng dụng vào hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục.

2.6.4 GDTH 81403, Huyền thoại và dạy học huyền thoại, 3 TC

Huyền thoại được xem là kiến tạo văn hoá đầu tiên, cũng là diễn ngôn có hiệu lực nhất trong đời sống nhân loại. Huyền thoại đảm bảo ba mặt: quyền lực–tri thức–niềm tin trong kiến tạo trật tự cuộc sống, trong cách diễn giải về tự nhiên và đời sống xã hội, kể cả sự hình thành tín ngưỡng, tôn giáo và khoa học.

Huyền thoại ra đời như là nền tảng đi từ nhận thức trực quan đến siêu hình, từ cảm tính đến lý tính. Giáo dục bắt đầu từ huyền thoại. Dạy học huyền thoại là một vấn đề phức tạp buộc phải giải quyết hàng loạt các nghịch lý: giữa hư cấu và thực chứng, giữa siêu hình và hữu hình, thẩm mỹ và khoa học.

2.6.5 GDTH 81404, Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH, 3TC

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dạy học phát triển năng lực trong môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, bao gồm những vấn đề:

- Năng lực, dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù cần hình thành cho người học qua môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.
- Hệ thống các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực cho người học thông qua môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học.
- Hình thành những kỹ năng tư duy và vận dụng dạy học phát triển năng lực trong dạy học môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở tiểu học.

2.6.6 GDTH 81405, Lý luận dạy học hiện đại, 3 TC

Học phần giúp người học nghiên cứu cơ sở lý luận của dạy học hiện đại, trên cơ sở đó phân tích các mô hình lý luận dạy học hiện đại để có khả năng lựa chọn và vận dụng hiệu quả trong quá trình dạy học. Nội dung học phần gồm:

- Khái quát về lý luận dạy học
- Các quan điểm tiếp cận trong dạy học hiện đại.
- Các mô hình dạy học hiện đại

2.6.7 GDTH 81406, Dạy học TV ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực, 3 TC

Học phần giới thiệu cho học viên những kiến thức cơ bản về dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ và các năng lực khác mang tính tích hợp gắn với đặc trưng môn Tiếng Việt tiểu học; phát triển ở người học kỹ năng sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học và đánh giá kết quả học tập tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực.

2.6.8 GDTH 81407, Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh TH, 2 TC

Chuyên đề trang bị cho người học những cơ sở khoa học và thực tiễn của quá trình phát triển kỹ năng tạo lập và tiếp nhận ngôn bản cho học sinh tiểu học, cụ thể rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, đánh giá thực trạng dạy học tạo lập và tiếp nhận văn bản ở tiểu học một cách có cơ sở khoa học, giúp người học có năng lực tổ chức quá trình tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học có hiệu quả.

2.6.9 GDTH 81408, Các phương pháp giải toán tiểu học, 4 TC

Trong dạy và học ở tiểu học, thì việc giải toán có một vị trí rất quan trọng trong

chương trình môn toán ở bậc tiểu học. Vậy, để giải được toán thì ta cần phải biết được các phương pháp giải toán, nó như là các phương tiện và là chỗ dựa hỗ trợ để ta sử lý tốt được các vấn đề.

Học phần sẽ hệ thống hóa những phương pháp giải toán thường gặp trong sách giáo khoa theo chương trình mới, đồng thời cũng nêu lên một số phương pháp giải toán độc đáo tương đối lạ, dành cho các đối tượng học sinh khá, giỏi, học sinh có năng khiếu về toán. Vì vậy, nội dung thể hiện trong học phần khi vận dụng cũng rất thích hợp cho các đối tượng là học sinh bình thường, các học sinh khá, giỏi và học sinh có năng khiếu toán.

Đi vào nội dung, là việc giới thiệu các phương pháp giải toán và những minh họa cụ thể trong hướng giải quyết bài toán theo từng phương pháp. Có tất cả 13 phương pháp giải toán và được xếp theo thứ tự mức độ đơn giản đến phức tạp dần khi vận dụng.

2.6.10 GDTH 81409, Văn học thiếu nhi nước ngoài, 2 TC

Học phần giới thiệu văn học thiếu nhi nước ngoài ở các phương diện: quan niệm và tổ chức sáng tác – xuất bản, thành tựu về tác phẩm và thể loại; những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, những kinh nghiệm về sáng tác văn học cho thiếu nhi.

Học phần cũng giới thiệu về quá trình xuất hiện của văn học thiếu nhi nước ngoài ở Việt Nam, hoạt động tiếp nhận và vận dụng trong giáo dục và sáng tác. Trên cơ sở đó, học phần đưa ra hướng dẫn để người học khám phá giá trị các tác phẩm văn học thiếu nhi nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt hiện hành.

2.6.11 GDTH 81410, Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học, 2 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức căn bản và chuyên sâu về ngữ âm tiếng Việt như vấn đề âm tiết và hình vị trong tiếng Việt; Hệ thống thanh điệu và quy luật phân bố của thanh điệu tiếng Việt trong hệ thống ngôn ngữ và trong hoạt động giao tiếp; Các đơn vị ngữ âm đoạn tính và quy luật phân bố của nó; Vấn đề chính âm và chữ viết tiếng Việt. Trên cơ sở đó, cung cấp cho người học nền tảng lý luận cơ bản về mối quan hệ giữa ngữ âm và chữ viết phục vụ việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học. Nghe, nói, đọc, viết là bốn kỹ năng cơ bản của việc dạy và học tiếng. Bốn kỹ năng này được rèn luyện ngay từ bậc tiểu học. Người giáo viên muốn dạy tốt, ngoài phương pháp, kinh nghiệm, kỹ năng nghề nghiệp... cần phải có những kiến thức căn bản và chuyên sâu về mối quan hệ giữa âm và chữ. Những kiến thức căn bản và chuyên sâu ấy sẽ được cung cấp trong học phần này.

2.6.12 GDTH 81411, Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học, 3 TC

Học phần này trang bị cho người học một số cách tiếp cận về các khái niệm toán học ở tiểu học: bài toán và giải bài toán; các phép toán trên tập số tự nhiên và đặt giá trị; phân số, số thập phân, tỷ số và tỷ lệ thức; đại lượng và đo đạc; hình học,... Sau khi kết thúc học phần, người học có thể lĩnh hội được một số phương pháp giúp học sinh phát huy tinh thần tham gia xây dựng những ý tưởng và các mối quan hệ giữa các đối tượng toán học, tự khám phá ra kiến thức mới; đồng thời, có thể so sánh và đánh giá được một số phương pháp khác nhau về dạy học khái niệm.

2.6.13 GDTH 81412, *Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học, 2 TC*

Học phần giới thiệu cho học viên những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình giáo dục tiểu học: quan niệm về chương trình và phát triển Chương trình, các hướng tiếp cận PTCT, quy trình PTCT, ...; phát triển ở học viên kĩ năng phân tích chương trình và phát triển Chương trình GDTH.

2.6.14 GDTH 81413, *Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học, 2 TC*

Học phần cung cấp cho người học những cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học; cung cấp những kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp, biện pháp cần tuân thủ và vận dụng để giáo viên phổ thông làm tốt việc phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học qua dạy và học bộ môn Tiếng Việt, tạo điều kiện cho các em học tốt các môn học khác và giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống.

2.6.15 GDTH 81414, *Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh TH, 2 TC*

Học phần cung cấp cho học viên những tri thức về các quy tắc vận hành, quy luật hoạt động để thực hiện chức năng của tiếng Việt ở cấp độ từ và câu tiếng Việt. Từ đó học phần rèn luyện năng lực sử dụng tiếng Việt cho học viên trong việc dùng từ, viết câu. Những kĩ năng này cần thiết nhằm giúp học viên dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội tốt các tri thức của các khoa học khác ở nhà trường Tiểu học.

2.6.16 GDTH 81415, *Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ, 2 TC*

Học phần Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ giúp người học nắm vững những kiến thức cơ bản về chính tả tiếng Việt, hiểu rõ và xác định được những điểm khác biệt về ngữ âm trong các phương ngữ từ đó lựa chọn thủ pháp dạy học phù hợp với chính tả phương ngữ. giúp người học biết xác định được những nguyên nhân chính dẫn đến lỗi chính tả của học sinh tiểu học và biết giúp học sinh tiểu học ở các vùng phương ngữ nhận diện, phân tích chữa lỗi chính tả chính xác nhanh chóng.

2.6.17 GDTH 81416, *Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá, 2 TC*

Với tư cách là bộ phận từ ngữ có nguồn gốc ngoại lai, hệ thống từ ngữ Hán Việt là một hệ quả của quá trình giao lưu tiếp xúc ngôn ngữ Việt Nam và Trung Quốc. Nó đã trở thành một bộ phận từ vựng quan trọng, góp phần kiến tạo nên tính chất khái quát, trừu tượng của hệ thống thuật ngữ khoa học, từ ngữ văn chương trong ngôn ngữ tiếng Việt.

Từ góc nhìn lịch sử và văn hoá, so với từ ngữ Việt, từ ngữ Hán Việt có những điểm đặc sắc về bình diện cấu tạo, ngữ nghĩa, giá trị phong cách, đặc biệt là hình thức Việt hoá – một phương cách bổ sung vào vốn từ vựng tiếng Việt một cách sáng tạo. Việc tiếp cận lịch sử và văn hoá đối với hệ thống từ ngữ hán Việt sẽ giúp cho quá trình tìm hiểu, vận dụng từ ngữ Hán Việt trong thực tiễn đời sống giao tiếp và giảng dạy thêm thuận lợi và hiệu quả.

2.6.18 GDTH 81417, *Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học, 2 TC*

- Học phần tập trung trang bị cho người học những kiến thức về vị trí, đặc điểm và nhiệm vụ của phân môn Tập làm văn, về cơ sở khoa học của dạy học Tập làm văn và những kỹ năng tổ chức dạy học tập làm văn cho học sinh tiểu học.

- Học phần giúp người học nắm bắt những đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung của phân môn Tập làm văn, các dạng bài học, bài tập trong chương trình Tập làm văn và kỹ năng phân tích chương trình, vận dụng vào tổ chức dạy học tập làm văn.
- Học phần giúp người học nắm bắt và vận dụng cách tổ chức dạy học Tập làm văn, có kỹ năng thiết kế bài học và thực hành dạy học các kiểu bài Tập làm văn. Ngoài ra còn giúp người học nắm bắt kiến thức và kỹ năng về kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục trong dạy học Tập làm văn ở tiểu học.
- Học phần có liên quan mật thiết với các nội dung dạy học tiếng Việt và văn học trong chương trình, SGK môn Tiếng Việt ở tiểu học, nhất là các môn học về nghiệp vụ sư phạm và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

2.6.19 GDTH 81418, Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học, 2 TC

Học phần đề cập tới sự cần thiết phải xây dựng trò chơi văn học nhằm hỗ trợ học sinh tiểu học trong quá trình học tập bộ môn Tiếng Việt. Trên cơ sở làm rõ các căn cứ của việc xây dựng trò chơi văn học, học phần giới thiệu một số trò chơi cụ thể, hướng vào phát triển năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học. Có thể nói, trò chơi văn học là hình thức học tập phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi cũng như chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo là “Học mà chơi, chơi mà học”. Từ kiến thức do học phần cung cấp, người học hoàn toàn có thể thiết kế những trò chơi văn học mới, thiết thực hơn, hiệu quả hơn.

2.6.20 GDTH 81419, Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học, 2 TC

Học phần giới thiệu về sự cần thiết của việc đọc sách văn học; đặc điểm thị hiếu đọc sách văn học của học sinh tiểu học; và phương pháp, cách thức tổ chức giúp các em tự giác tìm đến với sách, đọc và cảm thụ tác phẩm một cách hiệu quả. Trong nhiều năm trở lại đây, việc học sinh tiểu học ít đọc sách là một hiện tượng có tính phổ biến, ảnh hưởng nhiều đến giao tiếp và cảm thụ đời sống của các em. Do đó, giáo viên biết cách hướng dẫn học sinh đọc sách văn học sẽ đem lại nhiều lợi ích cho bản thân các em cũng như nhà trường. Văn hóa đọc trong nhà trường sẽ được cải thiện, nâng cao.

2.6.21 GDTH 81420, Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ, 2 TC

Phân tâm học là vấn đề có tính thời sự của giáo dục hiện đại từ sau thế kỉ 20. Đó là cuộc cách mạng Copernicus về nhận thức con người. Phân tâm học hé mở những bí ẩn trong vùng tăm tối nhất của tinh thần nhân loại và giúp khoa học có cái nhìn mới về các hiện tượng phức tạp trong đời sống: các hiện tượng tâm thần của cá nhân, các bất ổn của đời sống gia đình, bạo lực...

Phân tâm học giúp người học nhận thức sâu sắc ngọn nguồn của các hiện tượng tâm lý phức tạp, đặc biệt ở tuổi vị thành niên, phân loại hiện tượng, cách giải quyết và định hướng xây dựng một cộng đồng trách nhiệm và chia sẻ, trong đó giáo dục đóng vai trò quyết định.

2.6.22 GDTH 81421, Văn học thiếu nhi Miền Trung và Tây Nguyên, 2 TC

Học phần giới thiệu về văn học thiếu nhi địa phương Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ở các phương diện: diễn biến hoạt động sáng tác, thành tựu và đặc điểm tác giả,

tác phẩm; xác quyết những đóng góp của khu vực vào thành tựu chung của văn học thiếu nhi Việt Nam. Từ kiến thức của học phần, người học có thể chủ động khai thác những tác phẩm văn học phù hợp phục vụ công tác giảng dạy, đồng thời tham gia phổ biến văn học thiếu nhi địa phương.

2.6.23 GDTH 81422, Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường TH, 2 TC

- Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về:
 - Sức khỏe và vấn đề giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học: Sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em. Cơ sở khoa học của các biện pháp vệ sinh, phòng bệnh ở các hệ cơ quan trong cơ thể người; Phòng một số bệnh và tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học.
 - Những vấn đề về vệ sinh học đường trong trường tiểu học: Vệ sinh thân thể, Vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, trang thiết bị và cơ sở vật chất ở trường TH.

2.6.24 GDTH 81423 Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH, 2 TC

· Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về dạy học tích hợp và dạy học theo phương pháp BTNB trong môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học, bao gồm những vấn đề:

- Dạy học tích hợp là gì, các hình thức tích hợp, các nội dung tích hợp trong môn TN – XH ở tiểu học
- Cơ sở lý luận của phương pháp BTNB và vận dụng phương pháp BTNB trong dạy học môn TN – XH ở tiểu học.

2.6.25 GDTH 81427 Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học, 2 TC

Nội dung cơ bản của học phần giúp trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở lý luận của hoạt động kiểm tra – đánh giá trong giáo dục nói chung và trong quá trình dạy học các môn học và hoạt động giáo dục ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực người học. Đồng thời học phần cũng có nhiệm vụ bồi dưỡng, phát triển cho học viên các kỹ năng cần thiết trong việc lập kế hoạch, thiết kế và triển khai các hoạt động kiểm tra – đánh giá trong phạm vi lớp học, đảm bảo học viên thực hiện tốt nhiệm vụ đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực, đáp ứng yêu cầu của chương trình Giáo dục phổ thông mới.

2.6.26 GDTH 81424, Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học, 2 TC

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản:

- Vị trí, vai trò, đặc điểm, mục tiêu, cơ sở khoa học và các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực của hoạt động trải nghiệm ở tiểu học
- Nội dung hoạt động trải nghiệm ở bậc tiểu học và ở từng lớp học của giai đoạn 1 (lớp 1, 2, 3) và giai đoạn 2 (lớp 4, 5).
- Các phương pháp, hình thức tổ chức, thiết bị dạy học và cách đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học.

2.6.27 GDTH 81425, Thực tập 2: Phương pháp NCKH giáo dục, 2 TC

Học phần trình bày các tri thức vừa mang tính kế thừa, vừa nâng cao về phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học; bao gồm: đối tượng nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu chung và đặc thù, bài báo khoa học, luận văn khoa học, và đạo đức khoa học.

Học phần nhấn mạnh hướng nghiên cứu sư phạm ứng dụng, quan tâm tới các vấn đề về lí thuyết lẫn thực tiễn của giáo dục tiểu học, xác quyết kết quả và công bố kết quả nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.

2.6.28 GDTH 81426, Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ), 09 TC

Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ) là một báo cáo khoa học được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên, trình bày kết quả nghiên cứu của của người học về một chủ đề nghiên cứu phù hợp với chuyên ngành đào tạo nộp cho Hội đồng khoa học để ứng cử cho văn bằng thạc sĩ. Đề án thạc sĩ thể hiện sự vận dụng các kiến thức, phương pháp nghiên cứu mà học viên được tiếp nhận trong quá trình học tập. Đồng thời, phải có ý nghĩa lý luận, thực tiễn đối với lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG 

 PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN



CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Ngành đào tạo: Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)
Tên tiếng Anh: Theory and Methodology of Primary Education
Mã ngành: 8140110
Định hướng đào tạo: Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo: Chính quy

Bình Định, 2025

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHQN ngày 14 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học)
Tên tiếng Anh:	Theory and Methodology of Primary Education
Mã ngành:	8140110
Định hướng đào tạo:	Chương trình định hướng ứng dụng
Hình thức đào tạo:	Chính quy

1. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) đào tạo giáo viên tiểu học trình độ thạc sĩ có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt; kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp tiên tiến, chuyên sâu; có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn giáo dục tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học) giúp học viên có trình độ cao về kiến thức, kỹ năng và năng lực nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, quản lý và tư vấn các cơ sở giáo dục tiểu học. Cụ thể:

- Về kiến thức

- + PO1: Có kiến thức cơ sở cốt lõi về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, vận dụng vào thực tiễn giáo dục tiểu học.
- + PO2: Có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng giáo dục tiểu học.

- Về kỹ năng

- + PO3: Có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.
- + PO4: Có kỹ năng đánh giá, xây dựng và phát triển các vấn đề liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

+ PO5: Có kỹ năng phản biện, giải quyết, ứng dụng lý luận và phương pháp dạy học tiểu học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp giáo viên GDTH.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO6: Có đủ sức khỏe để làm việc; hiểu và thực hiện các quy định về phẩm chất và năng lực nhà giáo; phát hiện và giải quyết được những vấn đề thực tiễn về dạy học tiểu học;

+ PO7: Có năng lực lý thuyết, thực hành, ứng dụng trong công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học

+ PO8: Có năng lực để tiếp tục tham gia vào chương trình đào tạo tiến sĩ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, khoa học – công nghệ của địa phương và cả nước.

1.3. Chuẩn đầu ra đối với ngành học (Ký hiệu PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

- Về kiến thức

1) PLO1: Diễn giải hệ thống kiến thức trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

2) PLO2: Vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, lý luận dạy học, liên ngành có liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học tiểu học.

3) PLO3: Đánh giá và phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực, đánh giá năng lực người học.

- Về kỹ năng

4) PLO4: Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề có liên quan đến chuyên ngành lý luận và phương pháp dạy học tiểu học để đưa ra những giải pháp xử lý vấn đề một cách khoa học.

5) PLO5: Nghiên cứu và thảo luận các vấn đề để truyền đạt tri thức cho những người cùng ngành và những người khác.

6) PLO6: Tổ chức, quản trị, quản lý và phát triển các hoạt động nghề nghiệp.

7) PLO7: Sử dụng ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

8) PLO8: Phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lý luận và phương pháp dạy học tiểu học; đề xuất được những sáng kiến có giá trị trong hoạt động chuyên môn.

9) PLO9: Tự định hướng cá nhân và dẫn dắt chuyên môn xử lý những vấn đề lớn; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về những vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

10) PLO10: Xây dựng, thẩm định kế hoạch; Phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

Ma trận Mục tiêu (POs) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	Kiến thức			Kỹ năng				TC & chịu TN		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x	x								
PO2		x	x							
PO3	x	x	x							
PO4				x						
PO5					x	x				
PO6								x		
PO7							x		x	
PO8										x

1.4. Nội dung đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng học tập			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
				Tổng g	LT	BT, TH, TN, TL			
I. Phần kiến thức chung				4					
Phần bắt buộc (1 học phần)									
I.1. Triết học									
1	XHTH 501	Triết học		4	3	1		Khoa LLCT-Luật-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành				47					
II.1. Phần bắt buộc (9 học phần)				26					
1	GDTH 81401	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH-MN	

2	GDTH 81402	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
3	GDTH 81403	Huyền thoại và dạy học huyền thoại		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
4	GDTH 81404	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
5	GDTH 81405	Lý luận dạy học hiện đại		3	2	1		Khoa KHXXH- NV	
6	GDTH 81406	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
7	GDTH 81407	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học		2	2			Khoa GDTH- MN	
8	GDTH 81408	Các phương pháp giải toán tiểu học		4	2	2		Khoa GDTH- MN	
9	GDTH 81409	Văn học thiếu nhi nước ngoài		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
II.2. Phần tự chọn (chọn 7/15 học phần)				15					
1	GDTH 81410	Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
2	GDTH 81411	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
3	GDTH	Phát triển Chương		2	1.5	0.5		Khoa	

	81412	trình giáo dục tiểu học						GDTH-MN	
4	GDTH 81413	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
5	GDTH 81414	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
6	GDTH 81415	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
7	GDTH 81416	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
8	GDTH 81417	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học		2	1.2	0.8		Khoa GDTH-MN	
9	GDTH 81418	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học		2	1	1		Khoa GDTH-MN	
10	GDTH 814219	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
11	GDTH 814220	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
12	GDTH 81421	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
13	GDTH 81422	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH-MN	
14	GDTH 81423	Dạy học tích hợp và vận dụng phương		2	1.6	0.4		Khoa GDTH-	

		pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH						MN	
15	GDTH 81427	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học		2	1.5	0.5		Khoa GDTH- MN	
II.3. Thực tập (02 học phần)				06					
1	GDTH 81424	Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
2	GDTH 81425	Thực tập 2: Nghiên cứu khoa học giáo dục		3	2	1		Khoa GDTH- MN	
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)				9					
	GDTH 81426	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)		9					
Tổng cộng				60					

Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Khối kiến thức chung	4	6,7 %		M	M	M	M				M	M
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	47											
2.1	Các học phần bắt buộc	26	43,3 %	H	H	H	H	H	M		H	H	H
2.2	Các học phần tự chọn	15	25%	M	M	M	M	M	M		M	M	M

2.3	Thực tập	6	10%	M	M	M	M	M	M		M	M	M
3	Đề án thạc sĩ	9	15%	M	M	M	M	M	M		H	H	M

(Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao)

1.5. Kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (dự kiến)

1.3. Kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (dự kiến)

STT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung (bắt buộc)				4	4					
1	XHTH	501	Triết học	4	4				-PGS.TS. Đoàn Thê Hùng -TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy	Khoa LLCT- Luật- QLNN
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành				47	12	18	17			
II.1. Bắt buộc (9 học phần)				26	12	14				
1	GDTH	81401	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	3	3				-TS. Trần Thị Giang -PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa GDTH- MN
2	GDTH	81402	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục	3	3				-TS. Lê Thanh Bính -TS. Trần Ngọc Nguyên -PGS.TS. Phan Thanh Nam	Khoa GDTH- MN
3	GDTH	81403	Huyền thoại và dạy học huyền thoại	3	3				-TS. Châu Minh Hùng -TS. Lê Nhật Kỳ	Khoa GDTH- MN

4	GDTH	81404	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH	3	3				- TS. Nguyễn Thị Tường Loan -TS. Bùi Thị Ngọc Linh -TS. Trần Thanh Sơn -TS. Hồ Văn Toàn	Khoa GDTH-MN
5	GDTH	81405	Lý luận dạy học hiện đại	3		3			-TS. Nguyễn Lê Hà -TS. Dương Bạch Dương	Khoa KHXH-NV
6	GDTH	81406	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực	3		3			-TS. Trần Thị Giang -PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Khoa GDTH-MN
7	GDTH	81407	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học	2		2			-PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh. -TS. Đặng Thị Thanh Hoa	Khoa GDTH-MN
8	GDTH	81408	Các phương pháp giải toán tiểu học	4		4			-PGS.TS. Phan Thanh Nam -TS. Lê Thanh Hiếu -TS.Lê Thanh Bình -TS. Đào Ngọc Hân	Khoa GDTH-MN
9	GDTH	81409	Văn học thiếu nhi nước ngoài	2		2			-TS. Lê Nhật Ký -TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
II.2. Tự chọn (chọn 7/ 15 học phần)				15		4	11			
1	GDTH	81410	Ngữ âm tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học	2					-PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh, -TS. Nguyễn Quý Thành	Khoa GDTH-MN

2	GDTH	81411	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	3					- TS. Đào Ngọc Hân -TS. Nguyễn Thị Minh Phương -PGS. TS. Phan Thanh Nam -TS. Lê Thanh Bính	Khoa GDTH-MN
3	GDTH	81412	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học	2					-TS. Trần Thị Giang -TS Châu Minh Hùng TS. Lê Nhật Ký -TS. Nguyễn Thị Tường Loan	Khoa GDTH-MN
4	GDTH	81413	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học	2					- PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh -TS. Đặng Thị Thanh Hoa	Khoa GDTH-MN
5	GDTH	81414	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học	2					-TS. Đặng Thị Thanh Hoa -PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Anh -TS. Trần Thị Giang	Khoa GDTH-MN
6	GDTH	81415	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ	2					-PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh -TS. Trần Thị Giang -TS. Nguyễn Quý Thành	Khoa GDTH-MN
7	GDTH	81416	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá	2					-TS. Võ Minh Hải -TS. Trần Thị Tú Nhi	Khoa GDTH-MN
8	GDTH	81417	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu	2					-TS. Phan Nguyễn Trà Giang -TS. Châu Minh	Khoa GDTH-MN

			tả cho học sinh tiểu học					Hùng -TS. Lê Nhật Ký	
9	GDTH	81418	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học	2				-TS. Lê Nhật Ký - TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
10	GDTH	81419	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học	2				-TS. Lê Nhật Ký, - TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
11	GDTH	81420	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ	2				-TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
12	GDTH	81421	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên	2				-TS. Lê Nhật Ký, -TS. Châu Minh Hùng	Khoa GDTH-MN
13	GDTH	81422	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học	2				-TS. Nguyễn Thị Tường Loan -TS. Nguyễn Thị Mộng Điệp, -PGS TS Võ Văn Toàn	Khoa GDTH-MN
14	GDTH	81423	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH	2				-TS. Nguyễn Thị Tường Loan -TS. Nguyễn Thanh Sơn -TS. Bùi Thị Ngọc Linh,	Khoa GDTH-MN
15	GDTH	81427	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học	2				-TS. Khưu Thuận Vũ, -TS. Nguyễn Thị Tường Loan -TS. Hồ Văn Toàn	Khoa GDTH-MN
II.3. Thực tập (02 học phần)				06			06		
25	GDTH	81424	Thực tập 1: Hoạt động trải nghiệm tiểu học	3			3	-TS. Nguyễn Thị Tường Loan -TS. Nguyễn	Khoa GDTH-MN

									Thanh Sơn	
26	GDTH	81425	Thực tập 2: Nghiên cứu khoa học GD	3			3		- TS. Lê Nhật Ký -TS Châu Minh Hùng -TS. Trần Thị Giang -TS. Nguyễn Thị Tường Loan -TS. Nguyễn Quý Thành -PGS.TS. Phan Thanh Nam -TS. Đào Ngọc Hân -TS. Lê Thanh Bính -TS. Hồ Văn Toàn	GDTH
III. Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)				9				9		
Tổng cộng				60	16	18	17	9		

1.6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Triết học		M	M	M	M				M	M
2	Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	M	H		H	H			H	H	M
3	Thống kê và ứng dụng trong khoa học giáo dục	M	M		M	M	M	M			
4	Huyền thoại và dạy học huyền thoại	M	H	H	H	H			H	H	
5	Dạy học phát triển năng lực trong môn TN-XH	M	M	M	H	H	H		H	H	H
6	Lý luận dạy học hiện đại		M		M	M				M	M
7	Dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực		H	H	H	H			H	H	M
8	Phát triển năng lực tạo lập và tiếp nhận văn bản cho học sinh tiểu học	M	M	M	M	M	M		H	H	H
9	Các phương pháp giải toán tiểu	M	M		H	H	H	M	H	H	

	học										
10	Văn học thiếu nhi nước ngoài	H	H		M	M	H	M	H	H	H
11	Ngữ âm Tiếng Việt với việc dạy đọc và viết cho học sinh tiểu học	L	M		M	M			H	H	
12	Dạy học phát triển năng lực môn Toán tiểu học	H	H		H	H	M	M	H	M	M
13	Phát triển Chương trình giáo dục tiểu học		M	H	H	H			H	H	H
14	Phát triển vốn từ cho học sinh tiểu học	M	M	M	M	M	M		H	H	H
15	Rèn luyện kỹ năng dùng từ và viết câu cho học sinh tiểu học	H	H	H	H	H			H	H	
16	Dạy học chính tả ở tiểu học theo vùng phương ngữ	L	M		M	M			H	H	
17	Từ ngữ Hán Việt – từ góc nhìn lịch sử và văn hoá	H	H		M	H	H		H	H	
18	Dạy viết sáng tạo trong văn kể chuyện và miêu tả cho học sinh tiểu học	H	H	H	H	H	H		H	H	
19	Tổ chức trò chơi văn học trong dạy học tiểu học	H			H	H	H		H	H	
20	Hướng dẫn học sinh tiểu học đọc sách văn học	H	H		H	H	H		H	H	
21	Phân tâm học và trị liệu tâm lý trẻ	H			H	H	H		H	H	
22	Văn học thiếu nhi miền Trung và Tây Nguyên	H	M		M	M	H		H	H	
23	Giáo dục sức khỏe và vệ sinh học đường trong trường tiểu học	M	M	M	H	H	H		H	H	
24	Dạy học tích hợp và vận dụng phương pháp Bàn tay nặn bột trong môn TN-XH	M	M	M	H	H	H				
25	Kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong Giáo dục tiểu học	M	M	M	H	H	H		H	H	
26	Thực tập 1	M	M	M	H	H	H		H	H	H
27	Thực tập 2	H	M	L	M	M	H		M	H	H
28	Học phần tốt nghiệp (Đề án thạc sĩ)	M	H	M	H	M		M	H	M	M

1.7. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ

Hình thức, tiêu chí và trọng số đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Kiểm tra giữa kỳ	- Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể).	40%
2	Cuối kỳ	- Thi kết thúc học phần; - Hình thức thi: Viết/Vấn đáp/Tiểu luận...;	60%

		- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề.	
--	--	--	--

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Đánh giá tiến trình										
1. Đánh giá bài tập, thảo luận	x	x	x	x	x			x	x	x
2. Đánh giá bài kiểm tra, bài thực hành	x	x	x	x	x			x	x	x
II. Đánh giá tổng kết										
3. Thi viết	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4. Thi vấn đáp	x	x	x	x	x		x	x	x	x
5. Tiểu luận					x			x	x	x

2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

Xem Phụ lục: Đề cương chi tiết các học phần

Bình Định, ngày 14 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học (Giáo dục Tiểu học), được ban hành theo Quyết định số 483/QĐ-ĐHQN ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

